

Số: **2149**/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày **30** tháng **6** năm **2017**

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định Bộ chỉ số đánh giá mức độ ứng dụng
công nghệ thông tin tại Bộ Nội vụ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP của Chính phủ về Chính phủ điện tử tại Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 1101/QĐ-BNV ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế quy định tạm thời về việc trao đổi văn bản điện tử của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định Bộ chỉ số đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ Nội vụ”.

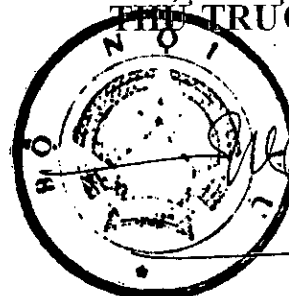
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ủy ban Quốc gia về UDCNTT (để biết);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (để biết);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Ban Chỉ đạo UDCNTT của Bộ Nội vụ;
- Công TTĐT Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, TTTT (5b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Anh Tuấn

QUY ĐỊNH

Bộ chỉ số đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ Nội vụ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~2149~~ /QĐ-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này bao gồm các tiêu chí đánh giá, xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ (sau đây gọi là đơn vị).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Việc đánh giá xếp hạng ứng dụng CNTT nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các đơn vị, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử của Bộ Nội vụ.

2. Giúp Lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT tại đơn vị mình cho phù hợp; có biện pháp, giải pháp đưa ứng dụng CNTT vào hoạt động của cơ quan, đơn vị hiệu quả, thiết thực.

3. Nâng cao trách nhiệm của công chức, viên chức, người lao động để đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động, quản lý tại đơn vị.

4. Thực hiện Cải cách hành chính, tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ và nâng cao chỉ số ứng dụng CNTT của Bộ Nội vụ.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Đảm bảo chính xác, minh bạch, khách quan, công khai, dân chủ và công bằng trong việc đánh giá, xếp hạng.

2. Phản ánh đúng tình hình thực tế kết quả ứng dụng CNTT của từng đơn vị.

3. Quá trình đánh giá, xếp hạng phải tuân thủ các nội dung của quy định này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá mức độ ứng dụng CNTT tại các đơn vị gồm các tiêu chí chính sau:

1. Đánh giá việc sử dụng thư điện tử công vụ và các phần mềm ứng dụng.
2. Đảm bảo an toàn, an ninh và bảo mật thông tin.
3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch, quy định về ứng dụng CNTT tại đơn vị.
4. Cổng/Trang Thông tin điện tử, dịch vụ công trực tuyến.

Chi tiết các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể tại Phụ lục I- Đánh giá tại các đơn vị thuộc Bộ Nội vụ, Phụ lục II - Đánh giá tại các đơn vị trực thuộc Bộ Nội vụ.

Điều 6. Thực hiện đánh giá, xếp hạng

1. Hàng năm, các đơn vị tiến hành thống kê, báo cáo đánh giá tình hình ứng dụng CNTT tại đơn vị theo mẫu Phụ lục và gửi kết quả về Trung tâm Thông tin (Thường trực Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT của Bộ).

2. Trên cơ sở báo cáo tình hình ứng dụng CNTT của các đơn vị, Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT của Bộ sẽ tổ chức thẩm định, đánh giá và công bố kết quả ứng dụng CNTT tại các đơn vị của Bộ vào Quý I của năm kế tiếp.

Điều 7. Đánh giá mức độ ứng dụng CNTT

1. Tổng điểm làm căn cứ xếp hạng là 100 điểm.
2. Đơn vị có tổng số điểm từ 85 điểm trở lên xếp hạng Tốt.
3. Đơn vị có tổng điểm trong khoảng từ 70 đến dưới 85 điểm xếp hạng Khá.
4. Đơn vị có tổng điểm trong khoảng từ 50 đến dưới 70 điểm xếp hạng Trung bình.
5. Đơn vị có tổng điểm dưới 50 điểm xếp hạng Yếu.
6. Đơn vị gửi báo cáo quá thời gian yêu cầu tại Khoản 1, Điều 6 hoặc không gửi báo cáo sẽ không đưa vào xếp hạng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Trung tâm Thông tin – Bộ Nội vụ

1. Tổng hợp báo cáo đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của các đơn vị định kỳ hàng năm.
2. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai, tổ chức thực hiện Quy định này.

3. Kịp thời cập nhật, bổ sung, sửa đổi các tiêu chí đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT phù hợp với thực tế, trình Bộ trưởng - Trưởng ban Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT của Bộ xem xét, quyết định.

Điều 9. Trách nhiệm của Vụ Tổ chức cán bộ

Căn cứ kết quả ứng dụng CNTT tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ tham mưu, đề xuất Hội đồng thi đua khen thưởng của Bộ có hình thức khen thưởng phù hợp đối với các đơn vị thực hiện tốt việc ứng dụng CNTT.

Điều 10. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch - Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Thông tin – Bộ Nội vụ tổng hợp, trình Bộ trưởng quyết định việc bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác để thực hiện nhiệm vụ đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

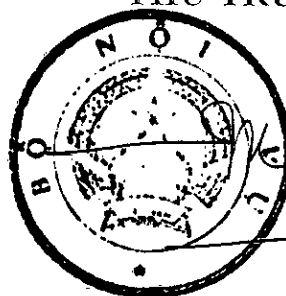
Điều 11. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ

1. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện đánh giá, thu thập số liệu đầy đủ, chính xác và báo cáo kịp thời tình hình ứng dụng CNTT của đơn vị theo đúng quy định gửi về Trung tâm Thông tin.

2. Tạo điều kiện để Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT của Bộ làm việc trong quá trình khảo sát thực tế, thẩm định số liệu do đơn vị cung cấp.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Trung tâm Thông tin để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp ./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Anh Tuấn



PHỤ LỤC I

**Phương tiện đánh giá mức độ ứng dụng CNTT
của các đơn vị thuộc Bộ Nội vụ**
(Áp dụng tại các Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ,
Tập chí Tổ chức nhà nước, Viện Khoa học tổ chức nhà nước,
Trung tâm Thông tin)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2149/QĐ-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:.....
2. Số lượng công chức:....., viên chức:.....
3. Số lượng máy tính:.....
4. Số lượng công chức, viên chức thường xuyên làm việc trên máy tính.....
5. Số lượng máy tính không kết nối vào mạng nội bộ, mạng Internet.....

II. THÔNG TIN VỀ ỨNG DỤNG CNTT TẠI ĐƠN VỊ

TT	Nội dung	Thang điểm	Đơn vị tự đánh giá số điểm	Ghi chú/ Tài liệu kiểm chứng
I	Sử dụng hộp thư điện tử @moha.gov.vn	25 điểm		https://mail.moha.gov.vn
1	Tỷ lệ % công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử @moha.gov.vn để trao đổi công việc	5 điểm		
	1% - 50%	1 điểm		
	51% - 80%	3 điểm		
	81% - 100%	5 điểm		
2	Tỷ lệ % văn bản điện tử được gửi bằng hộp thư công vụ của đơn vị đến các đơn vị khác	10 điểm		Công văn số 2301/BNV-VP ngày 28/4/2017 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện Quy chế quy định tạm thời về việc trao đổi văn bản điện tử của Bộ Nội vụ
	Số lượng văn bản giấy	Số lượng văn bản điện tử	Tỷ lệ %	

			1% - 50%	3 điểm		
			51% - 80%	7 điểm		
			81% - 100%	10 điểm		
3	Tỷ lệ % văn bản điện tử được gửi vào hòm thư Nội bộ đơn vị (trừ văn bản Mật theo quy định).			10 điểm		
	Số lượng văn bản giấy	Số lượng văn bản điện tử	Tỷ lệ %			
			1% - 50%	3 điểm		
			51% - 80%	7 điểm		
			81% - 100%	10 điểm		
II	Sử dụng Phần mềm quản lý văn bản và kiểm soát việc thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức Bộ Nội vụ			30 điểm		http://qlvb.moha.gov.vn
1	Tỷ lệ % văn bản đã được số hóa để trao đổi trên Phần mềm			5 điểm		
	Số lượng văn bản giấy	Số lượng văn bản số hóa	Tỷ lệ %			
			1% - 50%	1 điểm		
			51% - 80%	3 điểm		
			81% - 100%	5 điểm		

2	Tỷ lệ % văn bản đi, đến được xử lý theo đúng quy trình trên Phần mềm		10 điểm		
	Số lượng văn bản đi	Số lượng văn bản đến	Tỷ lệ %		
			1% - 50%	3 điểm	
			51% - 80%	7 điểm	
			81% - 100%	10 điểm	
3	Người đứng đầu đơn vị trực tiếp thực hiện chỉ đạo, điều hành công việc trên Phần mềm		10 điểm		
	Số lượng văn bản giấy	Số lượng văn bản chỉ đạo trên phần mềm	Tỷ lệ %		
			1% - 50%	3 điểm	
			51% - 80%	7 điểm	
			81% - 100%	10 điểm	
4	Dự thảo văn bản, cập nhật tiến độ, kết quả và kết thúc văn bản đã thực hiện trên phần mềm		5 điểm		
	Số lượng văn bản giấy	Số lượng văn bản điện tử	Tỷ lệ %		
			1% - 50%	1 điểm	

			51% - 80%	3 điểm		
			81% - 100%	5 điểm		
Phần mềm quản lý việc thực hiện nhiệm vụ Bộ trưởng giao			15 điểm			http://nhiemvu.moha.gov.vn
Theo dõi, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị trên phần mềm						
	Số lượng nhiệm vụ được giao	Số lượng nhiệm vụ đúng hạn	Số lượng nhiệm vụ quá hạn	Tỷ lệ % giải quyết công việc		
				1% - 50%	5 điểm	
				51% - 80%	10 điểm	
				81% - 100%	15 điểm	
Đảm bảo an toàn, an ninh và bảo mật thông tin cá nhân			20 điểm			
1 Các máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền			10 điểm			
	Số lượng máy tính	Số lượng máy tính cài đặt	Tỷ lệ %			
			1% - 50%	3 điểm		
			51% - 80%	7 điểm		

			81% - 100%	10 điểm		
2	Tỷ lệ % văn bản điện tử có sử dụng chữ ký số trong trao đổi công việc			10 điểm		
	Số lượng văn bản giấy	Số lượng văn bản điện tử sử dụng chữ ký số	Tỷ lệ %			
			1% - 50%	3 điểm		
			51% - 80%	7 điểm		
			81% - 100%	10 điểm		
V	Quy định về ứng dụng CNTT tại đơn vị			10 điểm		
1	Ban hành, cập nhật quy định, quy chế về ứng dụng CNTT tại đơn vị			5 điểm		
	Đã ban hành			5 điểm		
	Chưa ban hành			0 điểm		
2	Thực hiện đầy đủ các văn bản hướng dẫn về ứng dụng CNTT tại đơn vị			5 điểm		
	Số lượng văn bản hướng dẫn	Số lượng văn bản đã thực hiện	Tỷ lệ %			
			1% - 50%	1 điểm		
			51% - 80%	3 điểm		



		81% - 100%	5 điểm		
	Trong năm có xây dựng, nâng cấp, cập nhật, duy trì phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, website, dịch vụ công hoặc các ứng dụng công nghệ thông tin khác		10 điểm		Điểm khuyến khích (tối đa 10 điểm) được cộng cho đơn vị có thực hiện một trong các nội dung tại mục VI
1	Phần mềm, cơ sở dữ liệu				
2	Website, dịch vụ công				
3	Các ứng dụng công nghệ thông tin khác				

- Họ và tên người lập biểu:
- Đơn vị:
- Chức vụ:
- Điện thoại:
- E-mail:

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)



PHỤ LỤC II

Bảng tiêu chí đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của các đơn vị trực thuộc Bộ Nội vụ

(Áp dụng tại các đơn vị:

Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương,
Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia,

Trường Đại học Nội vụ Hà Nội)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2149/QĐ-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:.....
2. Số lượng công chức:....., viên chức:.....
3. Số lượng máy tính:.....
4. Số lượng công chức, viên chức thường xuyên làm việc trên máy tính.....
5. Số lượng máy tính không kết nối vào mạng nội bộ, mạng Internet.....

II. THÔNG TIN VỀ ỨNG DỤNG CNTT TẠI ĐƠN VỊ

TT	Nội dung	Thang điểm	Đơn vị tự đánh giá số điểm	Ghi chú/ Tài liệu kiểm chứng
I	Sử dụng hộp thư điện tử công vụ	20 điểm		
1	Tỷ lệ % công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ để trao đổi công việc	5 điểm		
	1% - 50%	1 điểm		
	51% - 80%	3 điểm		
	81% - 100%	5 điểm		
2	Tỷ lệ % văn bản điện tử được gửi bằng hộp thư công vụ của đơn vị đến các đơn vị khác	5 điểm		Công văn số 2301/BNV-VP ngày 28/4/2017 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện Quy chế quy định tạm thời về việc trao đổi văn bản điện tử của Bộ Nội vụ

	Số lượng văn bản giấy	Số lượng văn bản điện tử	Tỷ lệ %			
			1% - 50%	1 điểm		
			51% - 80%	3 điểm		
			81% - 100%	5 điểm		
3	Tỷ lệ % văn bản điện tử được gửi vào hòm thư Nội bộ đơn vị (trừ văn bản Mật theo quy định).			10 điểm		
	Số lượng văn bản giấy	Số lượng văn bản điện tử	Tỷ lệ %			
			1% - 50%	3 điểm		
			51% - 80%	7 điểm		
			81% - 100%	10 điểm		
II	Sử dụng Phần mềm quản lý văn bản và kiểm soát việc thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức Bộ Nội vụ			20 điểm		http://qlvb.moha.gov.vn
1	Tỷ lệ % văn bản đã được số hóa để trao đổi trên Phần mềm			5 điểm		
	Số lượng văn bản giấy	Số lượng văn bản số hóa	Tỷ lệ %			
			1% - 50%	1 điểm		

			51% - 80%	3 điểm		
			81% - 100%	5 điểm		
2	Tỷ lệ % văn bản đi, đến được xử lý theo đúng quy trình trên Phần mềm			5 điểm		
	Số lượng văn bản đi	Số lượng văn bản đến	Tỷ lệ %			
			1% - 50%	1 điểm		
			51% - 80%	3 điểm		
			81% - 100%	5 điểm		
3	Người đứng đầu đơn vị trực tiếp thực hiện việc chỉ đạo, điều hành công việc trên Phần mềm			5 điểm		
	Số lượng văn bản giấy	Số lượng văn bản chỉ đạo trên phần mềm	Tỷ lệ %			
			1% - 50%	1 điểm		
			51% - 80%	3 điểm		
			81% - 100%	5 điểm		
4	Dự thảo văn bản, cập nhật tiến độ, kết quả và kết thúc văn bản đã thực hiện trên phần mềm			5 điểm		

	Số lượng văn bản giấy		Số lượng văn bản điện tử		Tỷ lệ %			
					1% - 50%			1 điểm
					51% - 80%			3 điểm
					81% - 100%			5 điểm
III	Phần mềm quản lý việc thực hiện nhiệm vụ Bộ trưởng giao				15 điểm		http://nhiemvu.moha.gov.vn	
	Theo dõi, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị trên phần mềm							
	Số lượng nhiệm vụ được giao	Số lượng nhiệm vụ đúng hạn	Số lượng nhiệm vụ quá hạn	Tỷ lệ % giải quyết công việc				
				1% - 50%				5 điểm
				51% - 80%				10 điểm
				81% - 100%				15 điểm
IV	Cổng/Trang Thông tin điện tử của đơn vị				20 điểm			
1	Thông tin trên Cổng/Trang Thông tin điện tử có đáp ứng yêu cầu theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ				10 điểm		Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước	



	1% - 50%	3 điểm		
	51% - 80%	7 điểm		
	81% - 100%	10 điểm		
2	Dịch vụ công trực tuyến	10 điểm		
	Cung cấp dịch vụ công mức 3 trở lên	3 điểm		
	Cung cấp dịch vụ công mức 3 trở lên và có hoạt động, giao dịch.	7 điểm		
	Cung cấp dịch vụ công mức 3 trở lên; có hoạt động, giao dịch; tích hợp lên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Nội vụ	10 điểm		
V	Đảm bảo an toàn, an ninh và bảo mật thông tin của đơn vị	10 điểm		
1	Quy định về bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật thông tin	2 điểm		
	Đã ban hành	2 điểm		
	Chưa ban hành	0 điểm		
2	Các máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền	3 điểm		
	Số lượng máy tính	Số lượng máy tính có cài đặt	Tỷ lệ %	
			1% - 50%	1 điểm
			51% - 80%	2 điểm
			81% - 100%	3 điểm

3	Tỷ lệ % văn bản điện tử có sử dụng chữ ký số trong trao đổi công việc			5 điểm		
	Số lượng văn bản giấy	Số lượng văn bản điện tử sử dụng chữ ký số	Tỷ lệ %			
			1% - 50%	1 điểm		
			51% - 80%	3 điểm		
			81% - 100%	5 điểm		
VI	Kế hoạch ứng dụng, đào tạo về CNTT			15 điểm		
1	Ban hành, cập nhật quy định, quy chế về ứng dụng CNTT tại đơn vị			5 điểm		
	Có ban hành			5 điểm		
	Chưa ban hành			0 điểm		
2	Hàng năm có các lớp đào tạo, tập huấn về công nghệ thông tin cho công chức, viên chức của đơn vị và cán bộ chuyên trách CNTT			5 điểm		
	Có đào tạo			5 điểm		
	Chưa đào tạo			0 điểm		
3	Thực hiện đầy đủ báo cáo, các văn bản hướng dẫn về ứng dụng CNTT tại đơn vị			5 điểm		
	Số lượng văn bản hướng dẫn	Số lượng văn bản đã thực hiện	Tỷ lệ %			



		1% - 50%	1 điểm		
		51% - 80%	3 điểm		
		81% - 100%	5 điểm		
VIII	Trong năm có xây dựng, nâng cấp, cập nhật, duy trì phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, website, dịch vụ công hoặc các ứng dụng công nghệ thông tin khác		10 điểm		Điểm khuyến khích (tối đa 10 điểm) được cộng cho đơn vị có thực hiện một trong các nội dung tại mục VII
1	Có sử dụng hòm thư điện tử @moha.gov.vn				
2	Phần mềm, cơ sở dữ liệu				
3	Website, dịch vụ công				
4	Các ứng dụng công nghệ thông tin khác				

- Họ và tên người lập biểu:
- Đơn vị:
- Chức vụ:
- Điện thoại:
- E-mail:

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)